

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2017/HSST

Ngày: 27/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hoàng Văn Phan**.

2. Bà **Nguyễn Thị Hằng**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Phương. Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: **03/2017/HSST** ngày 02 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Đỗ Văn T – Sinh năm: 1962

Tại xã C, huyện L, tỉnh H.

ĐKHKTT: Khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh L; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Con ông: Đỗ Văn G (đã chết); Con bà: Phạm Thị N- Sinh năm 1935; Bị cáo có vợ là Phạm Thị V- sinh năm 1964 và có 02 con đều đã trưởng thành trên 18 tuổi; Tiền án: 01 tiền án. Tại bản án số 43/2011/HSST ngày 31/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện T, L áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm p, o khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 07 năm tù, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 12/9/2017, tạm giam từ ngày 15/9/2017 đến nay có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo

Khoảng 08 giờ ngày 12/9/2017, Đỗ Văn T- sinh năm 1962, trú tại Khu 6 thị trấn T, huyện T, tỉnh L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 25F2- 0399 nhãn hiệu YOSHIDA đi xuống khu vực xã H, huyện T để tìm mua thuốc phiện về sử dụng. Khi T đi đến bản K, xã H thì T đi vào nhà một người đàn ông dân tộc Mông (tên P) thì T gặp P đang hút thuốc phiện trong nhà, T xin hút thì được P cho hút hai hơi. Sau khi hút xong T nhờ P đi mua thuốc phiện hộ nhưng P sợ Công an bắt nên không đi, sau đó T điều khiển xe mô tô sang bản H, xã H, huyện T để tìm mua

thuốc phiện về sử dụng, tại đây T gặp một người đàn ông dân tộc Mông (không rõ nhân thân, lai lịch) qua trao đổi, thống nhất T đã mua được của người đàn ông này 01 gói thuốc phiện với giá 50.000đ bên ngoài được bằng mảnh nilon màu trắng. Mua được thuốc phiện T cất vào trong túi quần bên phải đang mặc và điều khiển xe mô tô quay về đến khu vực bản K, xã H, huyện T thì bị lực lượng Công an huyện T phát hiện bắt quả tang, thu giữ trong túi quần bên phải đang mặc của T 01 gói thuốc phiện, bên ngoài được gói bằng mảnh nilon màu trắng.

b) Về các vấn đề khác của vụ án

Công an huyện T đã trích gửi giám định.

Tại kết luận giám định số 395 ngày 28/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L kết luận: Chất nhựa dẻo, màu đen, mùi hắc có trọng lượng 0,39 gam thu giữ của Đỗ Văn T gửi đến giám định là thuốc phiện. Không hoàn lại mẫu vật.

Trong quá trình điều tra bị cáo Đỗ Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

c) Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát

Tại bản cáo trạng số: 31/KSĐT-MT, ngày 01/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh L truy tố bị cáo Đỗ Văn T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 2 năm tù; miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô BKS 25F2- 0399 nhãn hiệu YOSHIDA vỏ màu xanh đã qua sử dụng số khung 000382, số máy 5000382.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo Đỗ Văn T đã có hành vi tàng trữ 0,39 gam thuốc phiện, với mục đích để sử dụng, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của

bị cáo là cố ý, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Đối với trọng lượng 0,33 gam thuốc phiện thu giữ của bị cáo theo quy định của pháp luật thì chưa đủ mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Song bị cáo đã có 01 tiền án, tại bản án số 43/2011/HSST ngày 31/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm p, o khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 07 năm tù chưa được xóa án tích nay lại phạm tội, nên bị cáo vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999:

Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

“1. Người nào tàng trữ...trái phép...chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.”.

Xét tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, gây mất trật tự an toàn xã hội, làm gia tăng các tệ nạn xã hội và là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác. Về tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa và trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tuy nhiên theo quy định tại Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” có khung hình phạt nhẹ hơn khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Cần áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội và áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Nhưng vẫn cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo tự cải tạo bản thân thành công dân tốt và cũng để đảm bảo cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có công việc làm ổn định, lao động tự do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát huyện T truy tố đối với bị cáo Đỗ Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, đúng qui định của pháp luật.

Vật chứng của vụ án gồm 0,39 gam thuốc phiện đã gửi hết đi giám định và không hoàn lại mẫu vật nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Đối với chiếc xe mô tô BKS 25F2- 0399 nhãn hiệu YOSHIDA vỏ màu xanh đã qua sử dụng, số khung 000382, số máy 5000382 qua điều tra xác minh chiếc xe này có đăng ký mang tên Nguyễn Văn M, chủ xe đã bán cho vợ chồng bị cáo. Tại biên bản lấy lời khai của bà Phạm Thị V là vợ bị cáo ngày 25/10/2017 bà Phạm Thị V không yêu cầu gì đối với chiếc xe mô tô trên. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX tịch thu sung công quỹ Nhà nước, bị cáo không có ý kiến gì. Xét đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

Nguồn gốc thuốc phiện Đỗ Văn T khai mua của người đàn ông dân tộc Mông không rõ nhân thân, lai lịch. Quá trình điều tra không xác định được nên không có căn cứ để điều tra xử lý. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với Vàng A P- sinh năm 1987 địa chỉ: Bản K, xã H, huyện T, tỉnh L là người cho T hút thuốc phiện, trong quá trình điều tra, xác minh P không có mặt ở địa phương vì vậy không có đủ căn cứ để điều tra xử lý.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Đỗ Văn T** phạm tội: “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**”.

a) Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2017.

b) Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô BKS 25F2- 0399 nhãn hiệu YOSHIDA màu sơn xanh đã qua sử dụng số khung 000382, số máy 5000382 (*Vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T ngày 10/11/2017*).

c) Về án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đỗ Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

d) Quyền kháng cáo:

Án xử công khai có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; (01)
- Sở tư pháp; (01)
- VKS huyện; (02)
- Công an, trại giam; (02)
- THA dân sự; THAHS; (02)
- Bị cáo; (01)
- Lưu hồ sơ – TA. (01)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Bình